TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 22/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 30-6-2017
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn U;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị V;

2. Ông Tăng Ngọc C;

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Ngô Thị Tiểu L, Thư ký Tòa án nhân dân huyện M.

Trong ngày 30 tháng 6 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2017/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2017 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Dương Văn K, sinh năm 1975. (có mặt)

HKTT: Số 69 ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Tạm trú: Số 246 ấp C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N**,** sinh năm 1976. (có mặt)

Địa chỉ: Số 69 ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 16/5/2017, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay nguyên đơn ông Dương Văn K trình bày: Ông Dương Văn K và bà Nguyễn Thị N kết hôn vào năm 1994 nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn ông và bà N luôn bất đồng ý kiến trong công việc làm ăn, thường xuyên cải vả nên mâu thuẫn kéo dài, đến tháng 5/2017 thì mâu thuẫn càng trầm trọng hơn khi ông K phát hiện bà N có quan hệ bất chính với người khác thì ông K bỏ đi cho đến nay, ông thấy hôn nhân không đem đến cho ông hạnh phúc, ông yêu cầu Toà án xem xét cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị N.

Về con chung: Trong thời gian chung sống ông và bà N có 02 con chung tên Dương Thanh H, sinh ngày 09/02/1998 và Dương Thị Q, sinh ngày 20/4/1996, hiện đang sống với bà N. Hiện nay các con chung của ông và bà N đã trưởng thành, phát triển bình thường nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà N và ông K kết hôn vào năm 1994 nhưng không có đăng ký kết hôn, sau khi cưới bà và ông K thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không còn tình cảm với nhau, nay trước yêu cầu ly hôn của ông K thì bà N đồng ý ly hôn.

Về con chung: Trong thời gian chung sống bà và ông K có 02 con chung tên Dương Thanh H, sinh ngày 09/02/1998 và Dương Thị Q, sinh ngày 20/4/1996, hiện đang sống với bà N. Hiện nay các con chung đã trưởng thành, phát triển bình thường nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về nội dung: Việc tranh chấp giữa ông K và bà N là loại kiện hôn nhân và gia đình, ông K và bà N cưới nhau năm 1994 nhưng không có đăng ký kết hôn. Xét thấy, hôn nhân giữa ông K và bà N là vi phạm khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Nay ông K không tìm thấy hạnh phúc trong hôn nhân của mình và yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay bà N cũng đồng ý ly hôn với ông K; về phía ông K tại phiên tòa hôm nay vẫn kiên quyết giữ nguyên yêu cầu được ly hôn vì không còn tình cảm vợ chồng với bà N. Hội đồng xét xử nhận thấy tại thời điểm ông K và bà N chung sống với nhau đã đủ tuổi đăng ký kết hôn nhưng ông bà không thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật mà ông bà vẫn duy trì cuộc sống chung của hai người đến ngày hôm nay. Tại phiên tòa ông K và bà N đều yêu cầu xin ly hôn với nhau HĐXX xét thấy yêu cầu xin ly hôn của ông bà là không có căn cứ chấp nhận. Nghĩ nên, áp dụng khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình, thụ lý đơn yêu cầu của ông K và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Dương Văn K và bà Nguyễn Thị N.

Về con chung: Các con chung của ông K và bà N đều đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét;

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

Về án phí sơ thẩm áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ông K phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 8 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 4 điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Dương Văn K và bà Nguyễn Thị N.

- *Về con chung*: Các con chung của ông K và bà N đều đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét;

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không có yêu cầu, nên không đặt ra xem xét;

- *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:* Ông Dương văn K phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005267 ngày 22/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, ông K đã thực hiện xong.

Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân huyện M;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện M,
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn U